TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 17-7-2017.
V/v "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn"giữa chị Huỳnh Thị Tú H với anh Nguyễn Văn G.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đình Phong -** Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân:
Bà **Nguyễn Thị Tài.**
Bà **Phan Thị Hà.**

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Hà Vi-** Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên toà: Bà **Trương Thị Ngoan** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 251/2016/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2016 về việc "*Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Huỳnh Thị Tú H** – Sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn 1, xã L, Huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
2. **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn G**– Sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn 1, xã L, Huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:
Ngân hàng X- Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch B1.
Địa chỉ: Số 11, đường Đề Thám, phường 1, Tp. B1, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng X- Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch B1: Ông **Lê Quang M**- Chức vụ: Giám Đốc.

(Chị H có mặt, anh G vắng mặt; ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2016 và những lời trình bày của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tú H thể hiện như sau:

Về con chung: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2016/QĐHNGĐ- ST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm. Về con chung chị H và anh G thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Huỳnh Trúc L- Sinh ngày 24/5/2008 cho chị H nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Đức H1- Sinh ngày 28/01/2014 cho anh G nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay anh G đã lập gia đình mới không còn quan tâm chăm sóc đến cháu H1 đầy đủ và tốt nhất về mặt thể chất cũng như tinh thần.

Do vậy chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết thay đổi người nuôi con. Chị H yêu cầu được nhận nuôi con chung là cháu H1, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản chung: Quá trình chung sống chị H và anh G có tạo lập được tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47 đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Văn G. Khi giải quyết ly hôn chị H và anh G tự thỏa thuận chia với nhau. Cụ thể hai bên đã lập biên bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 24/8/2016 nhưng anh G không thực hiện theo như biên bản thỏa thuận.

Nguồn gốc chiếc xe trên được chị H và anh G mua vào ngày 17/3/2015 của Công ty RITAVO, với số tiền 1.360.000.000 đồng. Trong đó tiền của chị H và anh G trả là 460.000.000 đồng, số tiền còn lại chị H và anh G thế chấp chiếc xe trên cho Ngân hàng X- Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch B1 để Ngân hàng thanh toán cho công ty, sau đó chị H và anh G hàng tháng sẽ trả cả gốc + lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

Do vậy chị H yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47. Hiện nay chị H thống nhất trị giá chiếc xe là 800.000.000 đồng. Chị H yêu cầu anh G trả cho chị H số tiền 400.000.000 đồng và đồng ý giao chiếc xe trên cho anh G.

Ý kiến của anh Nguyễn Văn G:

Về con chung: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2016/QĐHNGĐ- ST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm. Về con chung anh G và chị H thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Huỳnh Trúc L- Sinh ngày 24/5/2008 cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đức H1- Sinh ngày 28/01/2014 cho anh G nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh G chăm sóc cháu H1 đến ngày 24/12/2016 thì chị H đưa cháu H1 về nhà bà Nguyễn Thị L1, địa chỉ: xóm 8, thôn 6, xã L, huyện B, Lâm Đồng chăm sóc nhưng anh G không đồng ý. Anh G đã nhiều lần yêu cầu được đón cháu H1 về trực tiếp chăm sóc nhưng chị H không đồng ý.

Quá trình anh G trực tiếp chăm sóc cháu H1, cháu H1 vẫn phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Tháng 11/2016 anh G đã lấy vợ mới nhưng việc anh G lập gia đình mới vẫn không ảnh hưởng đến tâm lý của cháu H1.

Do vậy anh G không đồng ý giao con chung là cháu H1 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện nay chị H đang đi làm xa nhà không trực tiếp chăm sóc cháu được.

Về phần tài sản chung: Anh G khẳng định đối với tài sản là 01 chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47 đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Văn G đây là tài sản riêng của anh G.

Vào ngày 17/3/2015 anh G mua chiếc xe trên của Công ty RITAVO, địa chỉ: Quận 9, Tp. Hồ CHí Minh với số tiền là 1.360.000.000 đồng. Anh G mua trả góp của Công ty RITAVO thông qua Ngân hàng X Chi nhánh B1. Anh G trả cho công ty RITAVO số tiền 460.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Anh G là người trực tiếp chuyển khoản cho công ty. Nguồn gốc tiền mua chiếc xe trên là do bố của anh G là ông Nguyễn Văn V, địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, Lâm Đồng cho cả hai vợ chồng 01 mảnh vườn. Sau đó hai người canh tác vườn một thời gian thì ông V lấy lại vườn đưa tiền để anh G và chị H mua xe làm ăn. Ông V đưa cho anh G và chị H số tiền 500.000.000 đồng, còn lại là 900.000.000 đồng anh G và chị H vay Ngân hàng và trả góp cho Ngân hàng X, hàng tháng trả 22.500.000 đồng cả gốc + lãi suất. Anh G và chi H cùng ký hợp đồng thế chấp xe và hợp đồng vay ở Ngân hàng. Từ khi ly hôn cho đến nay tiền trả nợ Ngân hàng là do anh G đứng ra chịu trách nhiệm trả hết không liên quan đến chị H.

Anh G thống nhất trị giá chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C-106.47 là 800.000.000 đồng.

Biên bản thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn ngày 24/8/2016 chữ ký bên chồng là do anh G ký và ghi họ tên. Lý do anh G không thực hiện theo như thỏa thuận vì hiện nay anh G đang trả tiền nợ cho Ngân hàng khi nào anh G trả hết nợ cho Ngân hàng thì sẽ trả tiền cho chị H.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47 anh G không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 100.000.000 đồng (Vì đây là số tiền nợ chung chị H phải trả nợ cho ông Phan Minh Đ bà Dương Thị T).

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Đức H1- Sinh ngày 28/01/2014 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định chiếc xe hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47 đứng tên chủ sỡ hữu là Nguyễn Văn G là tài sản chung của chị H và anh G nên đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi mỗi người được hưởng ½ trị giá chiếc xe. Anh G có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 400.000.000 đồng. Giao cho anh G được quyền sỡ hữu, quản lý và sử dụng chiếc xe trên.

Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do Ngân hàng X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh G phải chịu án phí DSST thay đổi người trực tiếp nuôi con và án phí DSST trên phần tài sản được nhận và chị H phải chịu án phí DSST trên phần tài sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2016/ QĐHNGĐ- ST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giao con chung là Nguyễn Huỳnh Trúc L- Sinh ngày 24/5/2008 cho chị H nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Đức H1- Sinh ngày 28/01/2014 cho anh G nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Qua xác minh mặc dù cháu H1 được giao cho anh G chăm sóc và nuôi dưỡng nhưng tế theo ông Phan Văn Đ1 (chồng của bà Nguyễn Thị L1) chăm sóc, sau khi vợ chồng anh G chị H ly hôn cháu H1 vẫn ở với vợ chồng ông Đ1 bà L1. Vì bà L1 được bà H thuê trông coi và chăm sóc cháu H1 từ khi vợ chồng chị H anh G chưa ly hôn. Mọi chi phí cho việc ăn uống, học hành đều do chị H chi trả. Hiện nay cháu H1 tuy đã đủ 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, do vậy rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Bên cạnh

đó đến tháng 11/2016 anh G đã lập gia đình mới, vợ mới của anh G cũng đang mang thai con chung của hai người. Việc anh G chăm sóc cháu H1 không thể tốt nhất đối với cháu. Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cần giao con chung là Nguyễn Đức H1- Sinh ngày 28/01/2014 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

-**Về tài sản chung:** Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2016/QĐHNGĐ- ST ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm chị H và anh G tự thỏa thuận chia tài sản với nhau do trước đó vào ngày 24/8/2016 Chị H và anh G tự thỏa thuận chia tài sản và được UBND xã L chứng thực vào ngày 26/8/2016 với nội dung thỏa thuận tài sản chung là chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47 anh G nhận xe và giao lại cho chị H 300.000.000đ mỗi tháng giao 10.000.000đ, trong biên bản thỏa thuận này có chữ ký của anh G, khi ký anh G hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, đồng thời anh G và chị H còn ký vào hợp đồng tín dụng thế chấp chiếc xe trên để vay tiền mua xe ô tô do vậy có cơ sở khẳng định rằng tài sản chung của anh G chị H là chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47, còn anh G cho rằng tài sản trên là tài sản riêng của anh G là không có cơ sở chấp nhận vì anh G không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

Hiện nay anh G là tài xế nên cần giao chiếc xe trên cho anh G quản lý , sử dụng và anh G có trách nhiện trả lại cho chị H ½ trị giá chiếc xe.

Tại biên bản thỏa thuận về giá tài sản tranh chấp ngày 03/3/2017 chị H và anh G thống nhất tài sản là chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm soát số 49C- 106.47 có trị giá 800.000.000đ, việc thỏa thuận về giá là hoàn toàn tự nguyện không trái với pháp luật và phù hợp với thực tế.

Do vậy cần buộc anh G phải thanh toán lại cho chị H số tiền 400.000.000đ.

Trong quá trình chung sống chị H và anh G có vay của Ngân hàng X số tiền 930.000.000 đồng. Mục đích vay số tiền trên là để trả tiền mua chiếc xe ô tô nêu trên. Khi vay chị H và anh G cùng ký tên bên phần khách hàng trong hợp đồng tín dụng số 1203- LAV-201600044 ngày 17/3/2016 của Ngân hàng X. Ngày 28/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã có thông báo số 80/TB- TA để Ngân hàng X biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ án nhưng Ngân hàng X không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên xảy ra tranh chấp thì Ngân hàng X có quyền khởi kiện một vụ án khác.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ quốc hội số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009, cần buộc chị H phải chịu 20.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận. Cần buộc anh G phải nộp 200.000đ án phí thay đổi nuôi con và 20.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận (400.000.000đ x 5% = 20.000.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. ; điều 214; điều 215; điều 217; điều 219; điều 224 Bộ luật dân sự năm 2005 và điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị **Huỳnh Thị Tú H** về việc *Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn"* với anh **Nguyễn Văn G**.

1/ Về con chung: Thay đổi người nuôi con chung từ anh Nguyễn Văn G sang chị Huỳnh Thị Tú H. Giao con chung là **Nguyễn Đức H1**- Sinh ngày 28/01/2014 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

2/ Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Văn G được quyền quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô hiệu SHACMAN biển kiểm sốt số 49C- 106.47 do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 16/3/2016 mang tên Nguyễn Văn G.

Anh **Nguyễn Văn G** có trách nhiệm thanh toán lại cho chị **Huỳnh Thị Tú H** số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu)đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ quốc hội số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Buộc chị Huỳnh Thị Tú H phải nộp 20.000.000đ DSST trên phần tài sản được nhận. Được trừ vào số tiền 9.200.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004543 ngày 29/12/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Chị H còn phải nộp 10.800.000đ án phí DSST.

Buộc anh Nguyễn Văn G phải nộp 200.000đ án phí thay đổi nuôi con + 20.000.000đ án phí DSST trên phần tài sản được nhận. Tổng cộng anh G phải nộp 20.200.000đ án phí DSST.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày niên yết bản án tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi đương sự vắng mặt cư trú), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Phong